

BÁO CÁO TUẦN 13

31/03/2025 – 04/04/2025

Suy yếu cuối tuần, VN-Index rơi về vùng giá thấp nhất trong 3 tuần

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *Suy yếu cuối tuần, VN-Index rơi về vùng giá thấp nhất trong 3 tuần*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Ô tô và phụ tùng +4.22%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	28/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5580.94	-2.0%	-1.5%	-6.3%	6.2%
EU (EURO STOXX 50)	5331.4	-0.9%	-1.7%	-3.6%	4.9%
Trung Quốc (SHCOMP)	3351.307	-0.7%	-0.4%	-0.9%	11.3%
Nhật Bản (NIKKEI)	37120.33	-1.8%	-1.5%	-2.7%	-7.6%
Hàn Quốc (KOSPI)	2557.98	-1.9%	-3.2%	-3.1%	-6.8%
Singapore (STI)	3972.43	-0.2%	1.2%	1.6%	23.2%
Thái Lan (SET)	1175.45	-1.0%	-0.9%	-4.5%	-14.2%
Phillipines (PCOMP)	6147.44	0.1%	-1.9%	0.0%	-11.0%
Malaysia (KLCI)	1513.65	-1.4%	0.5%	-4.7%	-1.1%
Indonesia (JCI)	6510.62	0.0%	4.0%	-1.4%	-10.7%
Việt Nam (VNI)	1317.46	-0.5%	-0.3%	1.1%	2.1%
Việt Nam (HNX)	238.2	-0.6%	-3.1%	-0.2%	-2.3%
Việt Nam (UPCOM)	98.62	-0.3%	-0.7%	-1.1%	7.8%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	28/03/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,085.1	0.9%	2.1%	5.8%	38.4%
Bạc	USD/ozt	34.1	-0.8%	3.3%	7.1%	36.7%
Thép HRC	USD/T.	890.0	0.0%	-5.0%	-1.9%	3.5%
Nhôm	USD/MT	2,534.1	-0.5%	-3.4%	-4.2%	9.8%
Niken	USD/MT	16,202.9	0.8%	1.9%	5.0%	-2.4%
Quặng sắt	CNY/MT	790.0	-0.7%	2.1%	-4.2%	-3.2%
Dầu Brent	USD/bbl.	73.6	-0.5%	2.0%	1.5%	-15.8%
Dầu WTI	USD/bbl.	69.4	-0.8%	1.6%	1.1%	-16.6%
Xăng	USD/gal.	223.5	-0.5%	1.8%	14.7%	-19.1%
Than đá	USD/MT	96.6	-0.2%	-0.5%	-5.7%	-25.2%
Đậu tương	USD/bu.	1,023.0	0.6%	1.3%	-0.1%	-14.1%
Cao su	JPY/kg	346.0	-0.9%	0.3%	-6.1%	3.4%
Đường	USD/MT	535.7	-0.4%	-3.0%	-3.4%	-17.9%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường kém tích cực trước thời điểm công bố thuế mới

Ảnh hưởng từ diễn biến biến thuế quan mới, TTCK Hoa Kỳ có 2 phiên điều chỉnh sau 3 phiên tăng trước đó và vẫn duy trì được mức tăng bình quân 0.4% của các chỉ số. Hiệu ứng tiêu cực cũng lan đến các thị trường chủ chốt Châu Âu và Châu Á. Rủi ro tăng cao khiến cho vàng tiếp tục là kênh trú ẩn tốt, giá vàng củng cố trên 3,000 USD/oz và ghi nhận chuỗi tăng khá trong 4 tuần liên tiếp.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân +0.4%, EU600 -0.7%, Nikkei 225 -2.3%; CSI 300 +0.1%.

- Chỉ số hàng hóa -0.1%, các kim loại quý tiếp tục tăng giá (Vàng+1.6%, Bạc +3.8%), năng lượng (dầu thô +2.2%, than +5.4%) thì các kim loại như nhôm, kẽm, thép HRC giảm từ 2-3%, nông sản (Lúa mì -6.3%, Đường -3%).

- Chỉ số DXY +0.3% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y +0.08%.

Thuế quan lại nóng lên trong tuần qua khi Tổng thống Trump thông báo kế hoạch áp thuế nhập khẩu 25% với toàn bộ xe hơi không sản xuất tại Hoa Kỳ và mặt hàng đồng nhập khẩu. Hoa Kỳ cũng bổ sung 50 thực thể Trung Quốc vào danh sách hạn chế thương mại. Về kế hoạch công bố thuế quan toàn diện vào ngày 2/4, ông Trump cho rằng không phải phản ứng "ăn miếng trả miếng" và có thể một số quốc gia được miễn trừ hoặc giảm thuế. Điều này khiến các quốc gia đưa ra một số nhượng bộ nhằm có thêm cơ hội để đàm phán về thuế quan trước thời điểm công bố đang đến gần.

Chỉ số sản xuất công nghiệp và doanh thu bán lẻ Nhật; PMI Anh, Nhật, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ; CPI công bố lần đầu EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ; Lãi suất, biên bản chính sách tiền tệ Úc; Cuộc họp OPEC; Hoa Kỳ công bố thuế quan đối ứng, dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 3 của Việt Nam là thông tin chú ý trong tuần tới.

TTCK VIỆT NAM

VN-Index và thanh khoản suy giảm tuần thứ 2 liên tiếp

Đóng cửa ở 1,317 điểm, VN-Index giảm 0.3% cùng thanh khoản giảm 11% so tuần trước. Thị trường có xu hướng yếu dần về cuối tuần và giảm dưới đường trung bình động SMA20. NĐT thận trọng trước thời điểm công bố thông tin quan trọng giữa tuần sau kéo theo thanh khoản giảm tuần thứ 2 liên tiếp.

- Cổ phiếu họ VIC tiếp tục nâng đỡ thị trường khi đóng góp 7 điểm tăng cho thị trường trong khi các cổ phiếu ngân hàng và FPT tiếp tục kéo chỉ số đi xuống. Sự phân hóa trong nhóm cổ phiếu lớn và các nhóm ngành tiếp tục rõ nét trong nhịp điều chỉnh.

- Độ rộng tăng điểm thu hẹp với 4/18 ngành tăng điểm. Ngành Bất sản tăng tốt +4.02% nhờ các cổ phiếu họ VIC cùng với thanh khoản cải thiện. Truyền thông, hàng cá nhân và y tế giảm trên 2%. Thanh khoản thị trường suy giảm nên chỉ có 2 ngành giảm điểm có giá trị giao dịch tăng là Hàng dịch vụ và dịch vụ tài chính.

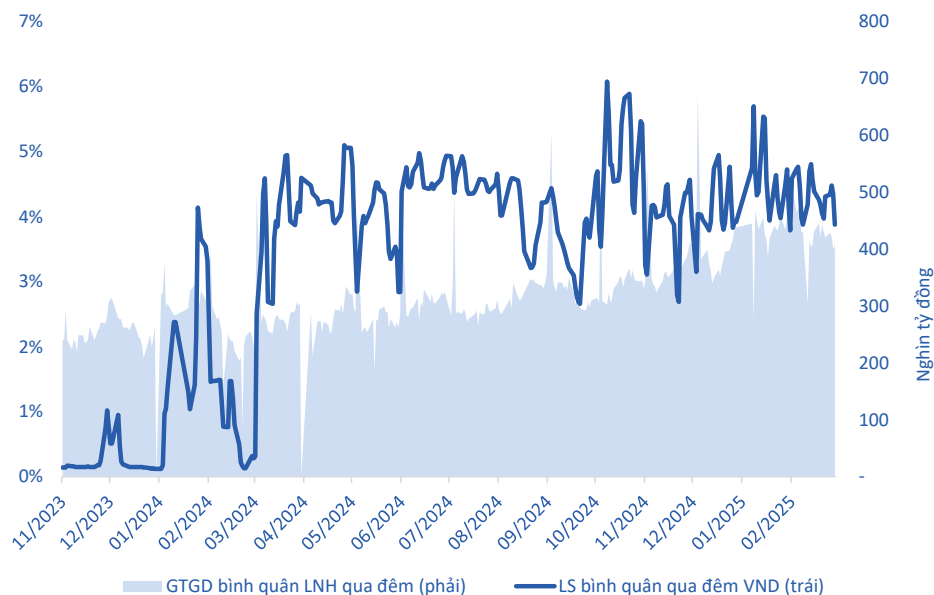
- Khối ngoại giảm lượng bán ròng xuống 82 triệu USD từ mức 153 triệu USD của tuần trước.

Bộ nội vụ hoàn tất dự thảo Nghị quyết UBTV Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và chuyển Bộ tư pháp thẩm định trước khi thông qua Quốc hội trong kỳ họp tháng 5. Dự thảo Nghị quyết tổ chức chính quyền 2 cấp, giữ lại 11 tỉnh và sáp nhập 52 tỉnh trong khi 9,996/10,035 ĐVHC cấp xã sẽ phải sắp xếp lại. ĐVHC cấp xã giảm 70-75% so với số lượng hiện hành còn dưới 3,000 đơn vị. Tinh gọn biên chế theo lộ trình 5 năm, theo đó, tổng cán bộ ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp không vượt tổng số ĐVHC cấp tỉnh và xã trước sắp xếp. Cán bộ ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã do vậy sẽ giảm khoảng 50% và 70% so với hiện tại trong 5 năm tới.

Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm tích cực trong trung hạn, tuần tới sẽ có những thông tin quốc tế quan trọng công bố sẽ mở ra cơ hội giao dịch. NĐT có thể cân nhắc nâng cao tỷ trọng đầu tư trong các phiên rung lắc.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 4	0.0	0.0	0.0	103,730.4
Tuần 5	90,613.1	124,923.5	34,310.5	138,040.8
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.26%	4.46%	4.54%	4.69%
So với tuần trước	+0.11%	+0.18%	+0.20%	+0.16%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	414,821.5	46,006.5	3,375.0	3,794.5
So với tuần trước	-4.07%	+262.20%	-16.19%	+139.85%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 27/03/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 12, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 53,094.9 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 798.5 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định trong vùng 4.0% - 4.5%.

PTKT: Suy yếu cuối tuần, VN-Index rơi về vùng giá thấp nhất trong 3 tuần

Đồ thị ngày: VN-Index đã giảm dưới SMA20 với thanh khoản đang giảm dần. Sau 8 tuần tăng điểm liên tiếp, VN-Index đã có tuần thứ 2 điều chỉnh khi không thành công kiểm tra đỉnh ngắn hạn trong 2 phiên đầu tuần. Mức điều chỉnh chưa ảnh hưởng đến xu hướng tăng điểm ghi nhận từ tháng 1/2025 nhưng xu hướng vận động đang dịch thành 1 vùng tích lũy trong khoảng từ 1,315- 1,342 điểm. Thanh khoản giảm, các chỉ báo kỹ thuật về vùng trung tính và dải bollinger band thu hẹp tiếp tục củng cố cho khả năng này.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 59 xuống 52 điểm.
- MACD giảm dưới đường tín hiệu và giữ trên mức 0. Thanh khoản giảm 11% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, và giữa trên SMA 50, 100, 200.

Kết luận: Sau 2 phiên hồi phục đầu tuần kiểm tra đỉnh ngắn hạn sau đó suy yếu, VN-Index đang chuyển sang mẫu hình 3 đỉnh mini có đường neckline tại 1,326 điểm và giá mục tiêu tại 1,305 điểm nếu chỉ số không vượt lại được đường viền cổ. Thanh khoản suy giảm, biên độ biến động thu hẹp cũng đang củng cố cho vùng tích lũy đỉnh 1,315-1,342 điểm. Thị trường vẫn đang trong quá trình điều chỉnh lành mạnh, chưa thay đổi xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Thông tin thuế quan đối ứng công bố 2/4 nhiều khả năng sẽ tạo ra chuyển biến rõ ràng phá vỡ thế giằng co hiện tại.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	9.43	4.58
VHM	6.11	2.90
SHB	8.09	0.93
VRE	5.69	0.57
TCB	0.73	0.34
GVR	0.72	0.24
GEE	4.65	0.23
TCH	7.78	0.22
MSN	0.88	0.21
POW	2.81	0.20
Tổng		10.41

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
VCB	-1.82	-2.40
FPT	-3.13	-1.41
LPB	-3.88	-0.97
HDB	-3.26	-0.63
PNJ	-8.48	-0.62
BID	-0.89	-0.59
MBB	-1.65	-0.58
GAS	-1.33	-0.51
VNM	-1.63	-0.50
VPB	-1.28	-0.48
Tổng		-8.68

Khối ngoại mua ròng

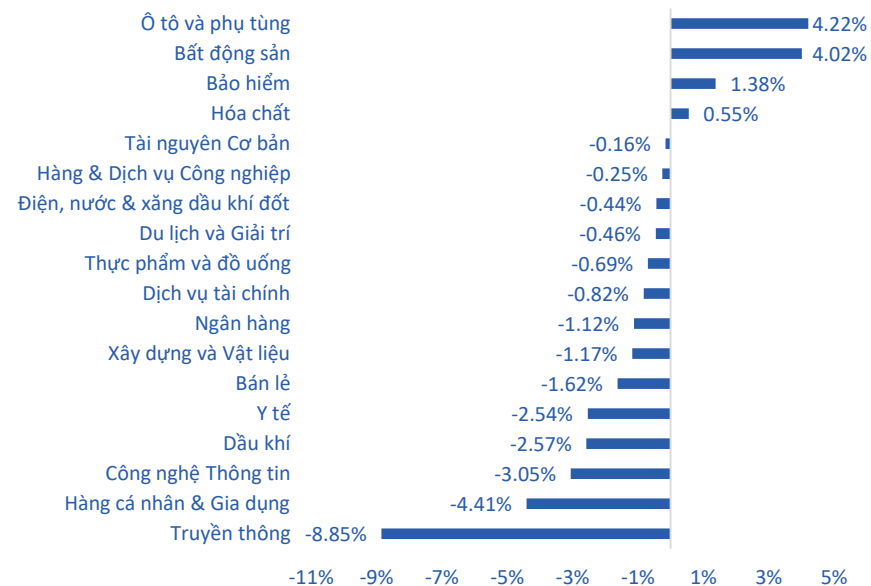
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
VRE	454.76
VIX	229.03
VPI	177.50
GVR	122.94
VND	96.29
APG	85.43
HAH	57.26
STB	56.19
VPB	52.32
VCI	50.93
Tổng	1,382.67

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
TPB	-562.76
FPT	-529.58
PNJ	-271.92
VNM	-259.60
DBC	-249.25
SAB	-205.88
DGC	-126.20
GMD	-116.86
SHB	-108.63
VCB	-90.52
Tổng	-2521.20

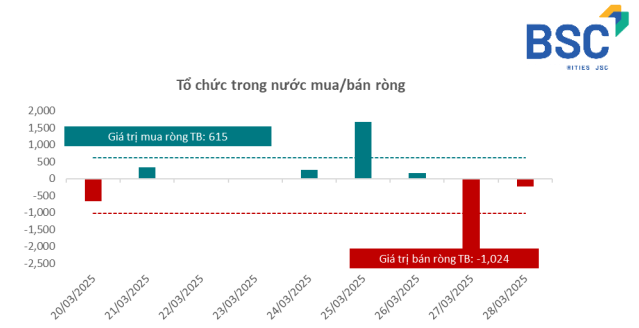
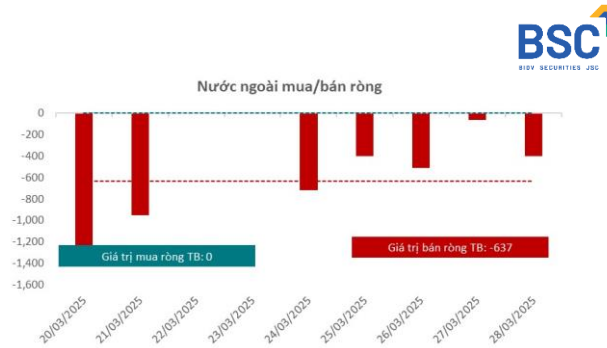
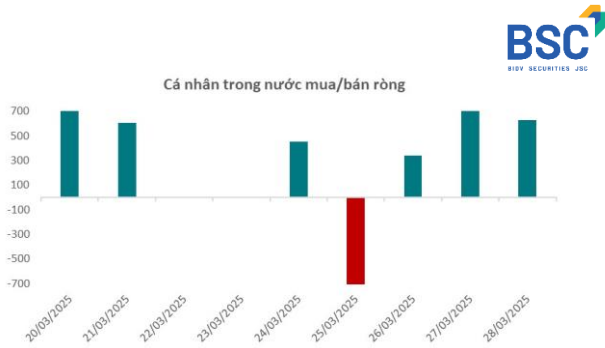
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Ô tô và phụ tùng	1.60%	4.22%	1.69%
Bất động sản	0.25%	4.02%	15.56%
Bảo hiểm	0.36%	1.38%	-4.54%
Hóa chất	-0.56%	0.55%	0.60%
Tài nguyên Cơ bản	-1.17%	-0.16%	-3.29%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
GEE	3,330,000	216.45	SHB	6,834,388	(89.51)	VRE	23,049,413	454.76	TPB	38,573,874	(562.76)	FPT	5,164,400	647.62	VRE	29,058,007	(573.74)
VIX	12,551,393	154.09	FPT	657,333	(83.14)	VIX	18,044,093	229.03	FPT	4,227,582	(529.58)	TPB	39,718,170	579.44	GEE	5,234,025	(352.82)
GEX	6,579,127	148.16	VHM	1,479,735	(75.59)	VPI	3,002,600	177.50	PNJ	3,233,128	(271.92)	MSB	40,439,760	447.22	VIX	27,217,627	(340.86)
E1VFN30	3,317,200	79.51	VIB	2,487,005	(49.86)	GVR	3,519,494	122.94	VNM	4,264,787	(259.60)	VNM	5,726,726	348.91	HAH	4,742,546	(248.99)
VGC	1,464,250	73.45	STB	1,250,862	(48.15)	VND	6,179,818	96.29	DBC	8,426,166	(249.25)	HDB	14,064,073	313.62	OCB	20,125,120	(231.49)
EIB	3,200,298	61.30	ACB	1,695,872	(44.14)	APG	8,689,200	85.43	SAB	4,144,382	(205.88)	PNJ	3,446,050	289.88	VPB	10,838,278	(212.12)
HAG	4,998,400	57.48	PVD	1,808,880	(41.33)	HAH	1,079,946	57.26	DGC	1,211,699	(126.20)	SSB	12,475,885	236.29	TCB	6,256,959	(175.56)
SSI	2,028,587	54.09	LPB	978,302	(32.87)	STB	1,443,264	56.19	GMD	2,003,332	(116.86)	DBC	7,511,297	221.99	VPI	2,823,500	(166.82)
HPG	1,982,249	54.03	CTG	774,590	(32.10)	VPB	2,678,654	52.32	SHB	8,772,869	(108.63)	SAB	3,916,782	194.62	GVR	4,359,388	(152.24)
VPB	1,830,724	35.71	SCS	443,800	(31.71)	VCI	1,362,669	50.93	VCB	1,382,327	(90.52)	SHB	15,122,657	192.89	GEX	5,519,198	(122.96)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	59.8	-1.0%	1.4	88,274	525	2,544	23.7		45.7%	
KBC	Bất động sản	29.9	1.2%	1.75	22,683	251	555	53.2		18.9%	
KDH	Bất động sản	32.6	0.3%	1.06	32,812	72	863	37.6		35.9%	
PDR	Bất động sản	19.3	-1.5%	1.91	17,114	91	643	30.5	23,600	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	51.2	0.0%	1.13	210,299	422	7286	7.0	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	124.0	-1.7%	1.04	185,649	377	5371	23.5	163,000	42.6%	Link
BSR	Dầu khí	19.2	-1.8%	0.00	60,615	46	204	96.0		0.3%	
PVS	Dầu khí	31.9	-1.5%	1.17	15,486	77	2238	14.5	40,300	17.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	30.9	1.0%	1.82	22,031	335	1571	19.5		43.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.4	0.2%	1.61	51,597	466	1536	17.1		38.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.1	-0.5%	1.76	27,503	355	1537	24.9		29.2%	
DCM	Hóa chất	33.7	-0.3%	1.74	17,867	50	2682	12.6	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	102.9	-2.1%	1.48	39,915	162	7864	13.4	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.2%	0.70	116,133	271	3759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.1	0.0%	0.94	274,535	56	3570	11.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.4	-0.6%	0.96	223,392	175	4720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.3	-1.8%	0.86	79,163	319	3667	6.2		17.2%	
MBB	Ngân hàng	23.9	0.0%	0.94	145,844	390	3729	6.4	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	0.4%	1.29	30,680	249	2123	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.3	0.0%	1.19	72,110	280	5351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	27.6	-0.7%	1.12	196,050	440	3054	9.1	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.2	-0.7%	0.99	37,780	167	2299	6.2	-	26.7%	Link
VCB	Ngân hàng	64.8	-1.1%	0.48	547,297	114	4049	16.2		22.7%	
VIB	Ngân hàng	19.8	-1.0%	0.92	59,583	133	2424	8.3		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.3	0.0%	0.89	152,728	232	1989	9.7	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	-1.3%	1.19	175,897	477	1879	14.6	37,500	21.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.4	-2.0%	1.56	11,022	136	935	19.0	22,700	7.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.8	0.7%	1.94	9,906	127	2712	10.9	31,000	4.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.5	-1.3%	1.37	99,822	1397	1345	51.6		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.3	-1.3%	0.53	127,696	337	4494	13.6		50.1%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	38.0	-1.8%	2.0	8,482	57.7	2,042	19.0	18.82%	15.93%	Link
FRT	Bán lẻ	169.0	-1.2%	1.0	23,297	40.4	2,331	73.4	32.69%	18.09%	
BVH	Bảo hiểm	53.5	0.6%	1.0	39,492	25.0	2,809	18.9	26.57%	9.50%	
DIG	Bất động sản	19.8	0.3%	1.5	12,045	180.3	188	105.2	2.50%	1.48%	
DXG	Bất động sản	16.1	-1.8%	1.6	14,282	133.2	348	47.1	20.23%	2.54%	Link
HDC	Bất động sản	26.8	0.2%	1.4	4,762	70.3	377	70.8	2.93%	3.14%	
HDG	Bất động sản	26.4	-1.7%	1.5	9,014	55.8	1,714	15.6	19.41%	9.41%	
IDC	Bất động sản	53.5	0.0%	1.2	17,655	71.0	6,050	8.8	20.56%	37.71%	
NLG	Bất động sản	34.0	0.2%	1.6	13,054	88.6	1,346	25.2	37.67%	5.43%	
SIP	Bất động sản	91.5	0.6%	0.0	19,159	33.4	5,555	16.4	5.89%	29.47%	
SZC	Bất động sản	41.9	-4.3%	1.7	7,874	195.8	1,809	24.2	2.40%	12.48%	Link
TCH	Bất động sản	18.7	-0.5%	1.8	12,562	239.4	1,466	12.8	8.85%	10.79%	Link
VIC	Bất động sản	58.0	1.6%	1.1	218,331	320.1	3,026	18.9	9.17%	9.33%	
VRE	Bất động sản	19.5	-0.8%	1.3	44,651	189.3	1,802	10.9	18.87%	10.27%	
CMG	Công nghệ Thông tin	39.3	-1.6%	1.0	8,441	10.2	1,478	27.0	36.02%	11.44%	
PLX	Dầu khí	39.8	-2.8%	1.0	52,031	66.3	2,275	18.0	17.41%	11.12%	Link
PVD	Dầu khí	22.5	-1.3%	1.4	12,674	77.5	1,255	18.2	8.59%	4.58%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.0	1.4%	2.1	15,082	160.3	1,869	26.4	29.72%	14.62%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.0	0.0%	1.9	17,183	107.0	1,583	19.0	6.81%	12.45%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	-0.6%	0.6	157,428	51.7	4,439	15.1	1.70%	16.73%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-0.4%	0.9	30,093	115.8	535	24.0	3.64%	3.95%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.9	-3.0%	1.0	34,431	58.6	4,237	17.3	49.00%	11.01%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.0	-0.5%	0.5	52,265	72.1	2,632	36.7	12.82%	8.87%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.4	0.2%	2.2	20,025	207.9	1,910	12.2	7.72%	12.38%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.0	-0.2%	1.1	24,413	62.5	4,627	12.6	41.29%	13.92%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.8	0.6%	1.6	6,819	163.9	4,417	11.9	10.70%	21.91%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.2	-0.6%	1.3	9,007	22.3	3,071	8.2	11.83%	15.05%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	138.8	-1.5%	0.0	17,159	22.6	3,144	44.8	6.66%	24.12%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.0	-3.4%	0.8	28,688	272.4	6,305	13.5	48.28%	20.08%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	38.2	-2.4%	0.83	3,988	70.0	2710	14.4	49.74%	12.96%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.9	-0.5%	1.1	2,697	10.4	2,568	8.6	16.75%	17.4%	
DPM	Hóa chất	35.4	0.3%	1.5	13,795	89.5	1,518	23.2	8.75%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.8	-0.4%	2.2	139,800	165.4	1,053	33.2	0.75%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.5	0.3%	1.0	36,230	165.4	1,786	10.9	3.80%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.5	1.4%	0.8	98,580	49.8	3,254	10.1	0.78%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.8	-0.9%	0.0	23,265	19.3	2,702	6.3	1.80%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.1	-0.9%	1.0	27,617	12.7	1,287	8.7	19.57%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.1	-1.3%	1.6	6,825	90.2	1,387	11.0	5.70%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.4	-1.2%	1.7	4,420	10.7	182	91.3	0.44%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.8	-0.9%	0.7	7,912	75.5	1,580	21.0	3.85%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-0.5%	1.1	63,551	64.1	3,376	14.7	59.63%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.0	-3.1%	1.3	14,365	73.0	5,496	11.6	24.84%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	123.4	3.7%	1.1	9,741	53.9	12,103	9.8	82.23%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.6	-2.5%	1.5	8,674	87.2	3,734	23.2	48.98%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	102.1	-1.4%	1.4	11,839	21.1	4,705	22.0	7.72%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	52.6	3.1%	1.7	3,213	97.9	3,545	14.4	6.99%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-2.0%	1.7	5,338	81.4	937	13.2	6.64%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.0	-0.7%	1.6	8,279	41.1	1,287	18.0	15.49%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.2	0.7%	1.9	12,600	172.9	1,579	13.3	6.08%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.5	-2.9%	1.8	22,395	78.0	2,464	20.3	5.73%	13.7%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký